

Viện trợ kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa cho Việt Nam thời kỳ 1954-1975

Lương Thị Hồng¹

¹ Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: hongflower@mail.com

Nhận ngày 1 tháng 11 năm 2016. Chấp nhận đăng ngày 6 tháng 1 năm 2017.

Tóm tắt: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam kéo dài 21 năm (1954-1975) có quy mô rộng lớn, tính chất và cường độ vô cùng quyết liệt. Việt Nam phải đương đầu với một đối phương có tiềm lực và sức mạnh kinh tế, quân sự lớn hơn gấp nhiều lần. Trong cuộc đụng đầu lịch sử đó, Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ và viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN), trong đó có viện trợ kinh tế. Điều này không chỉ đơn thuần xuất phát từ bối cảnh quốc tế, từ quan hệ lịch sử lâu đời giữa Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc, mà còn xuất phát từ chính yếu tố nội tại của Việt Nam. Các nước XHCN đã góp phần quan trọng giúp Việt Nam khôi phục, phát triển kinh tế, phục vụ mục tiêu xây dựng, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước.

Từ khóa: Viện trợ kinh tế, các nước xã hội chủ nghĩa, kháng chiến chống Mỹ, Việt Nam.

Abstract: The Vietnamese people's anti-US resistance war, which lasted for 21 years (1954-1975), had a large scale and extremely fierce character and intensity. The country had to face an opponent whose economic and military capacities and power are many times higher than its own. During the historical confrontation, Vietnam received major support, assistance and aids, including economic aids, from socialist countries. That was originated not only from the international context and the long-time historical relations between Vietnam and the Soviet Union and China, but also from the country's internal characteristics. The socialist countries made important contributions to helping Vietnam restore and develop the economy, build and safeguard the North, and liberate the South and reunite the country.

Keywords: Economic aids, socialist countries, anti-US resistance war, Vietnam.

1. Mở đầu

Đối với Việt Nam, trong giai đoạn 1954-1975, yêu cầu về xây dựng và phát triển kinh tế ở miền Bắc để thực hiện tái thiết

đất nước cũng như chi viện cho cách mạng miền Nam, đấu tranh thống nhất đất nước được đặt ra hết sức bức thiết. Sự viện trợ kinh tế của các nước XHCN cho Việt Nam có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần

ổn định đời sống kinh tế của nhân dân Việt Nam và đặt nền móng vật chất cơ bản cho công cuộc khôi phục, xây dựng và bảo vệ đất nước. Bài viết phân tích viện trợ kinh tế của các nước XHCN cho Việt Nam trong thời kỳ 1954-1975.

2. Hình thức, số lượng và giá trị viện trợ

Viện trợ kinh tế của các nước XHCN cho Việt Nam trong thời kỳ 1954-1975 chủ yếu là viện trợ không hoàn lại và cho vay dài hạn.

Từ năm 1955 đến 1973, các nước XHCN đã viện trợ không hoàn lại và cho Việt Nam vay dài hạn khoảng 5.000 triệu rúp. Trong đó, viện trợ không hoàn lại 2.930 triệu rúp; vay dài hạn không có lãi 2.070 triệu rúp.

Việt Nam đã dành 1.500 triệu rúp để trang bị và xây dựng khoảng 900 công trình công nghiệp và các ngành kinh tế khác. Số còn lại (3.500 triệu rúp) dùng để nhập nguyên liệu, máy lẻ, phương tiện vận tải, lương thực, thực phẩm, may mặc và các vật phẩm tiêu dùng thiết yếu khác. Số viện trợ này được sử dụng để khôi phục kinh tế và phần lớn để giải quyết các nhu cầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (Bảng 1).

Bảng 1: Các nước xã hội chủ nghĩa viện trợ không hoàn lại và cho Việt Nam vay dài hạn (1955-1974) [12]

Nước	Tổng số (triệu rúp)	Viện trợ không hoàn lại	Vay dài hạn
Liên Xô	1.831	1.365	466
Trung Quốc	2.872	2.577	295
Các nước XHCN khác	1.091	902	189

- Viện trợ của Liên Xô

Liên Xô đã viện trợ không hoàn lại 213 triệu rúp và cho Việt Nam vay dài hạn 1.000 triệu rúp để nhập thiết bị toàn bộ và nhập thiết bị lẻ, nguyên nhiên vật liệu, lương thực thực phẩm và hàng tiêu dùng. Số tiền viện trợ và cho vay của Liên Xô từ 1955-1960: 123 triệu rúp (viện trợ 90 triệu rúp và vay dài hạn 33 triệu rúp); từ năm 1961-1965: 195 triệu rúp (viện trợ 6 triệu rúp và vay dài hạn 189 triệu rúp); từ năm 1966-1969: 594 triệu rúp (viện trợ 114 triệu và vay dài hạn 480 triệu rúp); từ năm 1970-1971: 301 triệu rúp (viện trợ 3 triệu rúp và vay dài hạn 298 triệu rúp) [3]. Trong giai đoạn từ năm 1955 đến năm 1971, Liên Xô đã giúp xây dựng 164 công trình trị giá 272 triệu rúp và cung cấp thiết bị cho một số hạng mục không qua xây lắp trị giá 173 triệu rúp (tính cả khoảng 9 triệu rúp nhận bằng tiền mậu dịch). Đến cuối năm 1970, Việt Nam đã hoàn thành 77 công trình trị giá 110 triệu rúp. Trong đó gồm: công trình điện lực 30,5 triệu rúp; công trình khai khoáng (than, thiếc, apatit) 10,4 triệu rúp; cảng và kho xăng dầu 4,7 triệu rúp; cơ khí (sản xuất và sửa chữa) 8,9 triệu rúp; sản xuất phân hóa học 7,4 triệu rúp; nông trường và hợp tác xã 32,8 triệu rúp; công nghiệp chế biến chè, cà phê 2,9 triệu rúp; trạm bơm 2,4 triệu rúp; máy tính điện tử, đài phát thanh 5,9 triệu rúp; công trình khác 5,0 triệu rúp. Việt Nam còn dành 172 triệu rúp để nhập thiết bị lẻ, kể cả vật liệu, phụ tùng phục vụ một số ngành: khảo sát thăm dò địa chất, thiết bị ngành giao thông vận tải. Ngoài giúp đỡ về xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng, Liên Xô còn viện trợ về lương thực thực phẩm và các nhu cầu thiết yếu khác như: lương thực (1.338 nghìn tấn); xăng, dầu diesel (1.573 nghìn tấn); máy

công cụ (2.620 nghìn cái); máy kéo lớn (2.100 nghìn cái); máy bơm (1.839 nghìn cái); vải (119 triệu mét); dầu hỏa (176 nghìn tấn) [3].

- Viện trợ của Trung Quốc

Từ năm 1955 đến tháng 2/1971, Trung Quốc đã viện trợ không hoàn lại 6.447 triệu NDT và 10 triệu rúp; cho vay dài hạn không lấy lãi 300 triệu NDT và 227 triệu rúp. Tổng số quy đổi theo rúp và NDT là 1.775 triệu rúp và 7.790 triệu NDT [8]. Từ năm 1955 đến năm 1961, nhập khẩu thiết bị toàn bộ từ Trung Quốc đã góp phần xây dựng ở Việt Nam 30 công trình lớn và nhiều nhà máy, xí nghiệp nhỏ khác [13]. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: Khu gang thép Thái Nguyên mở rộng lên 200.000 tấn, Nhà máy điện Thái Nguyên mở rộng lên 24.000 kW, Nhà máy điện Việt Trì mở rộng lên 22.000kW [2, tr.2], Nhà máy cao su Sao Vàng, Nhà máy bóng đèn phích nước Rạng Đông, Nhà máy dệt Nam Định, Nhà máy len Hải Phòng, 14 nhà máy xay gạo, 5 nhà máy giấy, nhà máy điện, nhà máy dệt ở Hà Nội, một loạt nhà máy sản xuất văn phòng phẩm, đồ nhựa, xà phòng, thuốc lá, đồ sứ, đồ sắt tráng men [2, tr.3]. Trung Quốc cũng đã giúp Việt Nam phục hồi và mở rộng hệ thống đại thủy lợi Bắc Hưng Hải với khả năng tưới tiêu lên đến 150.000ha, công trình cống Xuân Quan, cống điều tiết bao đắp... Bên cạnh đó, nhờ có viện trợ của Trung Quốc, Việt Nam đã xây dựng 8 nông trường với diện tích 20.500ha trồng trọt, trong đó có 37 xưởng chế biến [2, tr.5]. Từ năm 1965 đến năm 1975, Trung Quốc viện trợ cho Việt Nam 4.847 triệu tấn lương thực, 262 triệu mét vải, 89,1 nghìn tấn bông, 81,05 nghìn tấn sợi, 625,67 nghìn tấn sắt thép, 1,774 triệu tấn xăng, dầu mỡ các loại, 2.510 toa xe lửa,

32.496 chiếc ô tô, 1.400 chiếc máy ủi [11, tr.15]. Việt Nam đã dùng số tiền vay và viện trợ của Trung Quốc để nhập các thiết bị toàn bộ (chiếm 30%); để nhập hàng tiêu dùng thiết yếu khác (chiếm 70%) [4].

- Viện trợ của các nước XHCN khác

Trong giai đoạn 1954-1975, các nước XHCN khác đã viện trợ không hoàn lại và cho Việt Nam vay dài hạn rất lớn, như: Ba Lan (153 triệu rúp và 92 triệu Zlotys) [7], Bungary (69,9 triệu rúp và 31 triệu đồng Việt Nam) [8], Rumani (101,4 triệu rúp) [9], Tiệp Khắc (116,3 triệu rúp) [10]...

Nhìn chung, viện trợ của các nước đã giúp Việt Nam giải quyết kịp thời các yêu cầu cấp thiết của từng thời kỳ, đặc biệt trong giai đoạn cả nước có chiến tranh.

3. Tác động của viện trợ kinh tế từ các nước XHCN

Thứ nhất, trong thời kỳ 1954-1975 ở tất cả mọi giai đoạn, Việt Nam luôn nhận được sự giúp đỡ về kinh tế của các nước XHCN. Điều đó chứng tỏ, việc chi viện, giúp đỡ nhân dân Việt Nam thời kỳ này là một chủ trương nhất quán trong đường lối đối ngoại và chính sách đối ngoại của các nước XHCN. Mặc dù sự giúp đỡ đó có sự chi phối bởi nhiều yếu tố (như tình hình quốc tế và tương quan lực lượng trên thế giới; chính sách đối ngoại trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể, cũng như khả năng tiếp nhận và sử dụng của Việt Nam...) song nhìn chung, hoạt động viện trợ của các nước XHCN cho Việt Nam là thường xuyên, liên tục và phát triển theo chiều hướng tích cực.

Ở mỗi giai đoạn, mức độ viện trợ qua từng thời kỳ có những đặc điểm khác nhau. Viện trợ không hoàn lại chỉ tập trung vào

thời kỳ khôi phục kinh tế lần thứ nhất (giai đoạn 1954-1960 với khoảng 290 triệu rúp) và thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ lần thứ nhất (giai đoạn 1965-1968 với khoảng 2.640 triệu rúp). Trong thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1964) và thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ lần thứ hai (1972-1973), các nước giảm mức viện trợ không hoàn lại (trừ Trung Quốc) và chuyển sang cho vay dài hạn (khoảng 2.070 triệu rúp). Khi kết thúc chiến tranh phá hoại trên miền Bắc, các nước đã xóa nợ vay, nhưng vẫn còn chuyển một số chưa sử dụng sang vay mới (khoảng 340 triệu rúp, không kể số vay của Trung Quốc và số 294 triệu rúp cho vay theo kế hoạch năm 1974). Đến giai đoạn 1973-1975, các nước XHCN hướng vào hợp tác kinh tế theo nguyên tắc cùng có lợi và tạo điều kiện cho Việt Nam trả nợ vay. Điều này hoàn toàn phù hợp với tình hình của Việt Nam. Trong khi đế quốc Mỹ tăng cường, đẩy mạnh cuộc chiến tranh, leo thang ném bom bắn phá miền Bắc thì nhân dân Việt Nam đã nhận được sự giúp đỡ to lớn của Chính phủ và nhân dân các nước XHCN. Sự giúp đỡ đó đã có ý nghĩa to lớn, góp phần hỗ trợ cách mạng Việt Nam phát triển thế và lực, thực hiện chính sách tập hợp lực lượng trong và ngoài nước, tạo thành sức mạnh tổng hợp cho cách mạng.

Thứ hai, viện trợ kinh tế của các nước XHCN đối với Việt Nam là sự giúp đỡ nhiệt tình, trách nhiệm của nước có cùng ý thức hệ đối với Việt Nam. Tuy nhiên, khi viện trợ kinh tế cho Việt Nam, Trung Quốc, Liên Xô và các nước XHCN khác đồng thời theo đuổi những lợi ích quốc gia riêng. Giữa lợi ích quốc gia - dân tộc với yếu tố ý thức hệ, thì lợi ích quốc gia là yếu tố bất

biến, quyết định. Đó là cơ sở, là điểm quy chiếu quan trọng cho việc nhìn nhận, lý giải, đánh giá mức độ, cách thức, yêu cầu và mục tiêu của từng giai đoạn, nội dung và cách thức ủng hộ của các nước XHCN đối với Việt Nam trong suốt 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).

Thứ ba, với sự giúp đỡ, viện trợ của các nước XHCN, tiềm lực kinh tế của Việt Nam đã dần được nâng cao, Việt Nam vượt qua nhiều giai đoạn khó khăn. Theo Cơ quan tình báo Trung ương Mỹ (CIA), miền Bắc đã bị đánh phá rất nặng và trong khoảng thời gian từ năm 1965 đến tháng 4/1967, riêng về kinh tế thiệt hại khoảng 165,7 triệu USD. Trung bình, thiệt hại về kinh tế của miền Bắc trong 4 tháng đầu năm 1967 là 9,1 triệu USD/tháng, trong khi năm 1965 chỉ là 3,6 triệu USD/tháng và năm 1966 là 8,5 triệu USD/tháng [15, tr.2]. Tổn thất trực tiếp về kinh tế của miền Bắc đối với ngành giao thông vận tải là 41,4 triệu USD, ngành điện là 20,5 triệu USD, trang thiết bị sản xuất là 11,8 triệu USD, xăng dầu là 7,4 triệu USD. Các cuộc ném bom của Mỹ xuống miền Bắc cũng gây nên những tổn thất gián tiếp về: xuất khẩu (20,2 triệu USD); nông nghiệp (25,5 triệu USD); ngư nghiệp (7,8 triệu USD). Với những ước tính của Mỹ như vậy, kinh tế miền Bắc chắc chắn sẽ không thể phục hồi, đặc biệt ngành công nghiệp nặng (như: điện, xăng dầu...) hoàn toàn bị phá hủy. Tuy nhiên, trái ngược với những phỏng đoán của Mỹ, trong những năm chiến tranh phá hoại, với sự ủng hộ, giúp đỡ và viện trợ kinh tế của các nước XHCN, mặc dù ngành công nghiệp bị đánh phá rất ác liệt, nhưng mọi hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp không bao giờ bị ngừng, dòng điện không bao giờ bị ngắt,

than vẫn được khai thác, các ngành cơ khí vẫn hoạt động. Số xí nghiệp công nghiệp hàng năm vẫn tiếp tục được xây dựng thêm. Nếu năm 1965 miền Bắc mới có 1.132 xí nghiệp (trong đó xí nghiệp trung ương là 205 và 927 xí nghiệp địa phương), thì đến năm 1969 đã có 1.352 xí nghiệp (trong đó 277 xí nghiệp trung ương và 1.075 xí nghiệp địa phương) [1, tr.49]. Đối với Việt Nam, một nước vừa bước ra khỏi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đối diện với sự tàn phá nặng nề của chiến tranh, với nền kinh tế lạc hậu, có xuất phát điểm thấp, sự giúp đỡ của các nước XHCN là hết sức quý báu. Từ đó, Việt Nam đã tranh thủ được các khoản viện trợ không hoàn lại, cho vay không tính lãi với nhiều chương trình kinh tế, thương mại, lương thực. Các khoản viện trợ này không những giải quyết khó khăn về tài chính cho Chính phủ Việt Nam và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân, mà còn nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất. Chính phủ các nước XHCN đã hỗ trợ Việt Nam xây dựng nhiều nhà máy, xí nghiệp, cầu cống, trường học, bệnh viện... giúp hình thành cấu trúc nền kinh tế, xây dựng nền móng kinh tế Việt Nam. Cùng với sự giúp đỡ, viện trợ về quân sự, quốc phòng, kỹ thuật, viện trợ kinh tế của các nước XHCN đã góp phần nhất định vào thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.

4. Kết luận

Trong suốt những năm tháng kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), nhân dân Việt Nam đã dốc toàn lực để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi. Trên chặng

đường kháng chiến trường kỳ đầy gian khổ, nhân dân Việt Nam đã không đơn độc. Bên cạnh Việt Nam là nhân loại tiến bộ, là cả hệ thống XHCN với sự ủng hộ, giúp đỡ toàn diện, to lớn và hiệu quả. Ngoài sự giúp đỡ và viện trợ của các nước XHCN, không thể không kể đến vai trò giúp đỡ, viện trợ kinh tế của chính phủ và nhân dân các nước khác. Điều đó cho thấy, đường lối đối ngoại đúng đắn của Việt Nam trong việc vận động, tranh thủ sự chi viện của các nước XHCN.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Nhật (Chủ biên) (2014), *Lịch sử Việt Nam*, t.13, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Phủ Thủ tướng, *Hồ sơ 8600: Báo cáo của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về quan hệ kinh tế và hợp tác khoa học kỹ thuật với Trung Quốc từ năm 1955 đến năm 1970*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hà Nội.
- [3] Phủ Thủ tướng, *Hồ sơ 8736: Báo cáo của Phủ Thủ tướng về tình hình Liên Xô viện trợ kinh tế và kỹ thuật cho Việt Nam từ 1955-1971*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hà Nội.
- [4] Phủ Thủ tướng, *Hồ sơ 8767: Báo cáo tình hình viện trợ kinh tế và kỹ thuật của Trung Quốc cho Việt Nam từ năm 1955 đến tháng 2/1971*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hà Nội.
- [5] Phủ Thủ tướng, *Hồ sơ 8964: Báo cáo về việc Việt Nam nhận viện trợ kinh tế của Trung Quốc năm 1972*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hà Nội.
- [6] Phủ Thủ tướng, *Hồ sơ 8996: Báo cáo của Văn phòng Phủ Thủ tướng về quan hệ kinh tế và khoa học kỹ thuật giữa nước ta và nước ngoài từ 1955-1973*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hà Nội.

-
- [7] Phủ Thủ tướng, *Hồ sơ 9104: Báo cáo của Phủ Thủ tướng về việc quan hệ kinh tế và khoa học kỹ thuật với Ba Lan từ năm 1955-1973*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hà Nội.
- [8] Phủ Thủ tướng, *Hồ sơ 9118: Báo cáo của Văn phòng Phủ Thủ tướng về quan hệ kinh tế kỹ thuật với Bungary từ năm 1955-1973*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hà Nội.
- [9] Phủ Thủ tướng, *Hồ sơ 9217: Báo cáo của văn phòng Phủ Thủ tướng về tình hình hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật với Rumani từ năm 1955-1973*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hà Nội.
- [10] Phủ Thủ tướng, *Hồ sơ số 9226: Báo cáo của văn phòng Phủ Thủ tướng về tình hình hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật với Tiệp Khắc từ năm 1955-1973*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hà Nội.
- [11] Bùi Thanh Sơn (2000), “50 năm quan hệ Việt - Trung”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 32.
- [12] Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, *Hồ sơ 32: Tình hình quan hệ kinh tế giữa Việt Nam với nước ngoài từ 1955-1974*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hà Nội.
- [13] Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, *Hồ sơ 1919: Danh sách các công trình do nước bạn giúp xây dựng từ 1955-1961*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hà Nội.
- [14] Central Intelligence Agency (CIA) (1967), *The Vietnam Situation: An analysis and Estimate*, No. F029000405a.
- [15] Central Intelligence Agency (CIA) (1967), *The Vietnam Situation: An analysis and Estimate*, No. F029000405b.